TRIGGER

Sau bài học này, sinh viên có thể:

- Hiểu được trigger là gì, công dụng của nó
- Tạo trigger.
- Xoá trigger
- Thay đổi trigger



Nội dung bài học

- Giới thiệu
- Tao Trigger
- Các loại Trigger
- Quản lý Trigger
- Bài tập



Giới thiệu

- Trigger là một stored procedure đặc biệt, nó được định nghĩa để tự động thực thi khi có một câu lệnh Update, Insert, hoặc Delete được phát ra trên bảng hoặc View.
- Trigger là một công cụ mạnh dùng để ràng buộc các qui tắc quản lý một cách tự động khi dữ liệu bị hiệu chỉnh.
- Trigger tự động thực thi, không thể gọi một trigger thi hành một cách trực tiếp.



Giới thiệu

- Ràng buộc toàn vẹn dữ liệu cho phù hợp với mô hình quan hệ CSDL.
- Kiểm soát dữ liệu hiện tại khi có thay đổi đến giá trị trong mẫu tin của bảng.
- Kiểm tra dữ liệu nhập vào phù hợp với mối quan hệ dữ liệu giữa các bảng.
- Định nghĩa thông báo lỗi của người dùng.
- So sánh trạng thái dữ liệu trước và sau hiệu chỉnh.

Tạo trigger

```
CREATE TRIGGER tên_trigger
ON tên_bảng
{FOR|AFTER|INSTEAD OF }{ [INSERT][,][UPDATE]
][,][DELETE]}
AS
[{IF UPDATE (tên_cột)
[AND UPDATE (tên_cột) | OR UPDATE (tên_cột)
...]
các_câu_lênh_của_trigger
```



Tham số

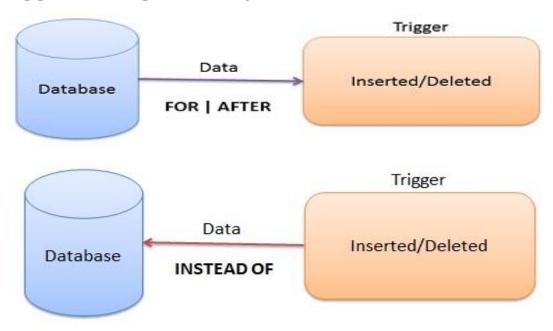
- trigger_name: néu trong 1 bảng có nhiều trigger thì tên các trigger phải khác nhau.
- ON tên_table: chỉ định table được áp dụng trigger.



Tham số (tt)

FOR, AFTER, INSTEAD OF{ [DELETE] [,] [INSERT] [,] [UPDATE] } : chỉ định action gắn với trigger. Đối với INSTEAD OF triggers, action DELETE không cho phép trên table mà có relationship mà chỉ định CASCADE ON DELETE. Tương tự, action UPDATE không cho phép trên table có relationships mà CASCADE ON UPDATE.

Triggers không trả kết quả về.





Các loại Trigger

- Delete trigger: được thực thi khi có mẫu tin bị xóa, table Deleted được sinh ra, để lưu mẫu tin bị xóa, ta có thể truy xuất dữ liệu trong table Deleted.
- Insert trigger: được thực thi khi chèn mẫu tin, table Inserted được sinh ra, để lưu mẫu tin sắp chèn, ta có thể truy xuất dữ liệu trong table Inserted.
- Update trigger: được thực thi khi cập nhật mẫu tin, có 2 table Inserted và Deleted được sinh ra. Mẫu tin bị cập nhật sẽ lưu trong bảng Inserted (chứa giá trị mới) và Deleted (chứa giá trị cũ)



Quản lý trigger

- Alter Trigger: hiệu chỉnh trigger
- Drop Trigger: xóa trigger
- Sp_rename: đổi tên
- Sp_helptrigger, Sp_helptext: xem code trigger
- DISABLE / ENABLE TRIGGER trong câu lệnh Alter
 Table, để cho phép/không cho phép trigger thực thi.

Ví dụ: Tạo một trigger không được xóa nhiều hơn 1 khoa

```
create trigger trgKhoaDelte
on KHOA
for delete
as
if(Select COUNT(*) from deleted ) >1
begin
      raiserror ('ban khong the xoa khoa hon 1khoa',16,1)
      rollback transaction
end
go
delete from KHOA where MAKHOA = 'a' or MAKHOA = 'b'
```



Ví dụ trigger dạng insert

Xây dựng trigger nếu số lượng điểm của 1 sinh viên trong bảng điểm >5 cột điểm thì không cho thêm vào nữa

```
Create Trigger trglon5sv
on ketqua
for insert
     declare @sosv int ,
     @masv nvarchar(20)
     select @masv=masv from inserted
     select @sosv = COUNT(*) from KETQUA where
MASV = @masv
     if(@sosv>5)
     begin
          print ' lon hon 5 khong them dc nua'
          rollback transaction
     end
```



Ví dụ update

Số cán bộ giảng dạy>=10

```
create trigger trg_Socbgd
on KHOA
```

AFTER INSERT, UPDATE

AS

BEGIN

```
IF(EXISTS (SELECT * FROM inserted WHERE SOCBGD <= 10))
```

BEGIN

PRINT 'SO CAN BO >=10'

ROLLBACK TRAN

END

END



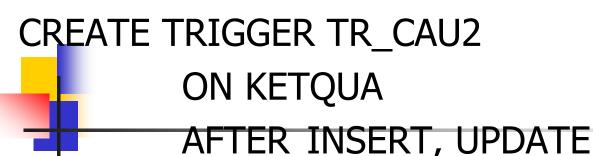
Bài tập

1) Sinh viên >=18 tuổi

2) Điểm thi >=0 và <=10

3) Sinh viên chỉ thi 1 môn tối đa 2 lần

4) Có thi lần 1 mới thi lần 2



AS

BEGIN

DECLARE @DIEM FLOAT
SET @DIEM=(SELECT DIEM FROM INSERTED)
IF(@DIEM<0 OR @DIEM>10)

BEGIN

PRINT 'DIEM KO HOP LE' ROLLBACK TRAN

END

END